

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 4 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2014)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG - DGC

Trụ sở : 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : (04) 38 271 620

Fax : (04) 38 271 068

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG TẠI HÀ NỘI

Tầng 3, tòa nhà số 14-16 Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 222 12208 - Fax: (04) 222 12209

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Đào Hữu Huyền

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
Điện thoại: 04. 38271620

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 4 năm 2014)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết	33.499.366 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	334.993.660.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á**

Trụ sở : 15 Hàng Tre, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : +(84-4) 3 7341665

Fax : +(84-4) 3 7343024

Email: vnaudit@fpt.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN**Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank KimEng tại Hà Nội**

Trụ sở : Tầng 3, số 14-16, phố Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : +(84-4) 222 12208

Fax : +(84-4) 222 12209

Website : <http://www.kimeng.com.vn>

MỤC LỤC

1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	7
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức niêm yết	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức Công ty tại thời điểm hiện nay:.....	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.	18
6. Hoạt động kinh doanh.....	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	31
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	33
9. Chính sách đối với người lao động.....	34
10. Chính sách cổ tức.....	36
11. Tình hình tài chính.....	36
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	45
13. Tài sản.....	56
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014 - 2018	58
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	61
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	61
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết.....	62
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	62
1. Loại cổ phiếu.....	62
2. Mệnh giá.....	62
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	62
4. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	62

5. Phương pháp tính giá.....	63
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	64
7. Các loại thuế có liên quan.....	64
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	64

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ những sự thay đổi có thể diễn ra của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2013, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam đều tăng với những con số khá. GDP tính chung cả nước tăng 5,42%, trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ước tính tăng 5,43%, sản xuất nông nghiệp tăng 2,67%, tổng đầu tư toàn xã hội ước đạt 1091,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2012 và bằng 30,4% GDP. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Mặt khác, năm 2013 cũng chứng kiến sự hồi phục bước đầu của kinh tế toàn cầu. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), kinh tế toàn cầu tăng trưởng khoảng 2,9% trong năm 2013 và năm 2014 được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 3,6%.

Với những giải pháp quyết liệt để ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội của Chính phủ từ năm 2012 đến nay, kinh tế Việt Nam đang dần ổn định và sẽ có những bước phát triển vững chắc trong thời gian tới.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành hóa chất nói riêng.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do rất nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là từ việc điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới.

Lạm phát ở Việt Nam xảy ra thường xuyên và biến động với biên độ khá lớn qua các năm. Tuy nhiên, với chính sách đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định thông qua các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp, Công ty có thể giảm thiểu tối đa tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Năm 2013 chỉ số lạm phát được kiểm chế ở mức 6,6%, giảm đáng kể so với mức 9,21% năm 2012 và mức tăng 18,13% của năm 2011, vậy nên Nhà nước đã thực hiện các giải pháp

mở rộng tín dụng có hiệu quả để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, góp phần kiềm chế lạm phát, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Bằng những giải pháp đồng bộ, lạm phát đã bước đầu được kiềm chế, lãi suất cơ bản đã giảm còn 6,5% so với mức 14%/năm của năm 2011. Những ảnh hưởng tích cực của việc kiềm chế lạm phát sẽ ảnh hưởng tích cực đến toàn bộ nền kinh tế cũng như kết quả hoạt động sản kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Lãi suất

Những tháng đầu năm 2013, lãi suất cho vay bằng đồng USD vào khoảng 2 - 4%/năm, huy động bằng đồng USD vào không quá 1,5%/năm. Lãi cho vay VND đã giảm đáng kể so với năm 2013 và ngang bằng với mức lãi suất thời kỳ trước khủng hoảng (năm 2008). Hiện tại, lãi suất bằng VND dao động trong khoảng 8% - 10%/năm, cá biệt với một số doanh nghiệp làm ăn hiệu quả, các ngân hàng còn chào vay với mức lãi suất 5,5%/năm. Tuy nhiên, do mặt hàng chủ lực của Công ty chủ yếu được xuất khẩu dẫn tới có nguồn ngoại tệ thường xuyên cho nên việc vay vốn từ ngân hàng bằng đồng USD thuận lợi với lãi suất thấp dẫn tới Công ty ít bị ảnh hưởng từ biến động lãi suất của VND.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng làm cho đồng nội tệ bị mất giá. Với những doanh nghiệp sử dụng nhiều ngoại tệ, khi tỷ giá hối đoái tăng, số lỗ về tỷ giá có thể làm giảm đáng kể, thậm chí là triệt tiêu toàn bộ lợi nhuận thu được trong kinh doanh. Đây là rủi ro khó tránh khỏi của các doanh nghiệp trong một nền kinh tế nhập siêu với tỷ lệ lớn.

Từ cuối năm 2010, tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với đồng USD cũng diễn biến rất phức tạp theo chiều hướng giá trị đồng nội tệ tiếp tục mất giá và đến đầu năm 2012 tỷ giá này đã tăng lên mức 20.820 VND/USD. Sự biến động thất thường của tỷ giá khiến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu chịu rất nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, đầu từ năm 2012 đến nay, Chính phủ thực hiện quyết liệt các giải pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội, trong đó, đã đưa ra hàng loạt biện pháp pháp nhằm ổn định thị trường tài chính, thị trường tiền tệ và thị trường vàng nên tỷ giá của đồng Việt Nam dần đi vào ổn định. Động thái này của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã tạo môi trường kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có tỷ trọng nhập khẩu lớn hoặc các doanh nghiệp có nhu cầu nhập máy móc thiết bị mở rộng sản xuất. Vậy nên, việc nhập khẩu nguyên liệu cũng như thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất phục vụ cho đầu tư giai đoạn hai của Công ty tại Công ty con (DLC) và xây dựng mới nhà máy sản xuất hóa chất phân bón cũng được thuận lợi. Mặt khác, tỷ trọng xuất khẩu vẫn cao hơn nhập khẩu dẫn tới việc Công ty chịu ít tác động từ việc tăng tỷ giá USD.

2. Rủi ro về pháp luật

Là công ty Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và đã đăng ký trở thành công ty đại chúng, hoạt động của Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật thuế giá trị gia tăng, ngoài ra Công ty còn chịu ảnh hưởng từ pháp luật của những nước là thị trường xuất khẩu của DGC. Trong khi đó Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, việc điều chỉnh thuế xuất khẩu Phốt pho vàng ở mức 0% lên mức 5% kể từ ngày 1/4/2011 cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Công ty trên thị trường thế giới.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro thị trường:

Đối với sản phẩm truyền thống của Công ty là bột giặt và chất tẩy rửa các loại:

Theo tiến trình hội nhập và mở cửa thị trường Việt Nam, các mặt hàng chất tẩy rửa gia dụng không nằm trong diện cấm nhập khẩu. Do đó, các sản phẩm bột giặt và chất tẩy rửa hiện nay đang chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các công ty đa quốc gia, đặc biệt là các sản phẩm của Unilever và P&G. Điều này đang tạo ra thách thức cũng như cơ hội đối với tất cả các Công ty trong nước. Tuy nhiên, do thương hiệu sản phẩm đã có chỗ đứng khá vững chắc trên thị trường và những nguyên liệu cơ bản để sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa (như: LAS,...) Công ty chủ động sản xuất được nên Công ty có lợi thế trong việc nâng cao chất lượng cũng như phát triển các dòng sản phẩm mới, do vậy đã hạn chế được những tác động tiêu cực từ rủi ro thị trường.

Đối với các sản phẩm hóa chất công nghiệp, hóa chất tinh khiết:

Các sản phẩm hóa chất công nghiệp, hóa chất tinh khiết là nguyên liệu đầu vào thiết yếu của nhiều ngành kinh tế, đặc biệt là ngành nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) và sản xuất hàng tiêu dùng (bột giặt, chất tẩy rửa, phụ gia,...) nên nhu cầu về các sản phẩm của doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng những biến động của kinh tế vĩ mô và sức mua của người tiêu dùng. Để giảm thiểu các rủi ro về thị trường, Công ty đã thực hiện đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đến nay, xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ,... Tuy nhiên, cũng như thị trường trong nước, khi thị trường hóa chất quốc tế biến động hoặc có những yếu tố gây bất lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa cũng sẽ đem lại rủi ro kinh doanh cho Công ty.

3.2 Rủi ro trong hoạt động

Đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hóa chất, rủi ro trong hoạt động luôn tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vậy nên, để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi

ro trong quá trình hoạt động, việc đảm bảo an toàn luôn được đặt lên hàng đầu và bằng các chế tài cụ thể như: Xây dựng nội quy, quy chế chặt chẽ, nghiêm khắc trong tất cả các khâu vận hành, sản xuất; Các cán bộ, công nhân đều được đào tạo bài bản và phải vượt qua các kỳ sát hạch trước khi tham gia vào quá trình sản xuất,... Ngoài ra, Công ty còn tổ chức định kỳ công tác tuyên truyền, giáo dục bắt buộc đối với toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty về an lao động. Bằng những giải pháp đồng bộ nêu trên, các rủi ro trong hoạt động của Công ty đã được phòng ngừa và giảm thiểu.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Ông **Đào Hữu Huyền** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông **Đào Thị Mai** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông **Vũ Văn Ngộ** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG TẠI HÀ NỘI

Ông **Nguyễn Văn Mạnh**

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Giấy Ủy quyền số: 064/2012/QĐ-KEVS ngày 04/04/2012

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Hà Nội (MBKE) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang cung cấp..

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty : Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang

DGC	: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
Tổ chức niêm yết	: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TSCĐ	: Tài sản cố định
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CP	: Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Thông tin chung về Công ty**

Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**

Tên tiếng Anh : Ducgiang Chemicals & Detergent Powder Joint Stock Company

Tên viết tắt : **DGC**

Trụ sở : 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : (04) 38 271 620

Fax : (04) 38 271 068

Website : www.ducgiangchem.vn Email: ducgiangchemco@hn.vnn.vn

Logo :



Mã số thuế : 0101452588

Tài khoản : Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

Số tài khoản: 10201 00000 48561.

Vốn điều lệ đăng ký: 334.993.660.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 334.993.660.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 4 năm 2014

Ngày trở thành công ty đại chúng: 13/9/2007

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất và buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón, sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất, buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng; các chất chưa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Cho thuê nhà xưởng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Bán buôn phụ gia thực phẩm
- Khai thác, thăm dò và chế biến khoáng sản

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tiền thân là Công ty Hoá chất Đức Giang, đây một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng cục hóa chất Việt Nam được thành lập từ năm 1963 với sản phẩm “Bột giặt Đức Giang” rất quen thuộc với người tiêu dùng.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty Hoá chất Đức Giang được chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang theo quyết định số 135/2003/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2003 và Quyết định số 10/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 02 năm 2004 về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 135/2003/QĐ-BCN.

Tháng 3 năm 2004, Công ty hoàn tất công tác cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 05/03/2004 với số vốn điều lệ 15 tỷ đồng (đến nay đã đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 4 năm 2014 với mã số doanh nghiệp 0101452588 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp).

Sau hơn 9 năm cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang lớn mạnh nhanh chóng và không chỉ đơn thuần sản xuất kinh doanh mặt hàng bột giặt, nguyên liệu sản xuất bột giặt mà còn mở rộng sang một số lĩnh vực như: sản xuất hóa chất công nghiệp, hóa chất tinh khiết,...

* Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Số vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	7/2008	15	30	Phát hành ra công chúng, trong đó: - Chào bán 900.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu giá là 10.000 đồng/cổ phần; - Phát hành 600.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08/7/2008; - Nghị quyết số 01/2008/NQ/ĐHĐCĐ-TH của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 28/03/2008.

				hiện hữu	
2	6/2009	36	66	Chi trả cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/6/2009 - Nghị quyết số 01/2009/NQ/ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 28/03/2009
3	12/2012	154	220	<p>Phát hành ra công chúng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chào bán 900.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu giá là 10.000 đồng/cổ phần; - Phát hành 600.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 41/2012/GCN- UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/9/2012 - Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phần ra công chúng (số 09/2012/BC-DGC ngày 10/10/2012); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2011 - Nghị quyết số 01/2012/NQ/ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 29/03/2012
4	12/2013	114.99366	334,99366	Chi trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo không phản đối đợt phát hành thêm cổ phần của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được đăng tải trên trang web chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phần (số 16/2013/BC-DGC ngày 01/7 /2013); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh

					doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/12/2013; - Nghị quyết số 01/2013/NQ/ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên ngày 23/3/2013
--	--	--	--	--	--

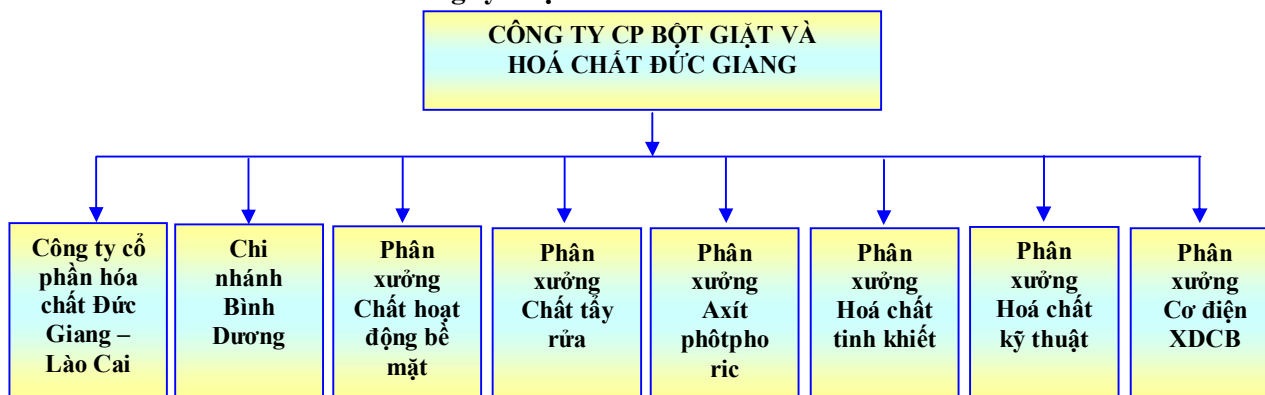
(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang năm 2013).

Trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2009, Công ty đã thực hiện hai đợt phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng. Đầu năm 2012, sau khi xem xét giải trình về các đợt phát hành thêm cổ phần ra công chúng của Công ty, ngày 10/2/2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 116/2012/QĐ-UBCK xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang do đã thực hiện các đợt phát hành để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng nhưng chưa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Ngày 17/02/2012, Công ty đã thực hiện đầy đủ Quyết định số 116/2012/QĐ-UBCK và nộp phạt số tiền 250 triệu đồng theo đúng quy định.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty tại thời điểm hiện nay:

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang thực hiện mô hình quản lý gồm: Công ty và Công ty con và 01 Chi nhánh và 06 phân xưởng trực thuộc.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:



■ Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Bình Dương:

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An – Xã Bình Hoà - Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại/ Fax: 0650 756576

Phân xưởng Chất tẩy rửa

Công ty có 2 phân xưởng sản xuất xà phòng bột, xà phòng kem, nước rửa chén, nước giặt, nước xả làm mềm vải, nước lau sàn nhà, nước Javel, nước cọ toilet và sản xuất Tripoly Phốtphát Natri, một phân xưởng đặt tại trụ sở 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội với công suất là 12.000 tấn/năm. Phân xưởng thứ 2 đặt tại Chi nhánh Bình Dương và đang trong quá trình đầu tư để nâng công suất.

Phân xưởng Axit phốtphoric

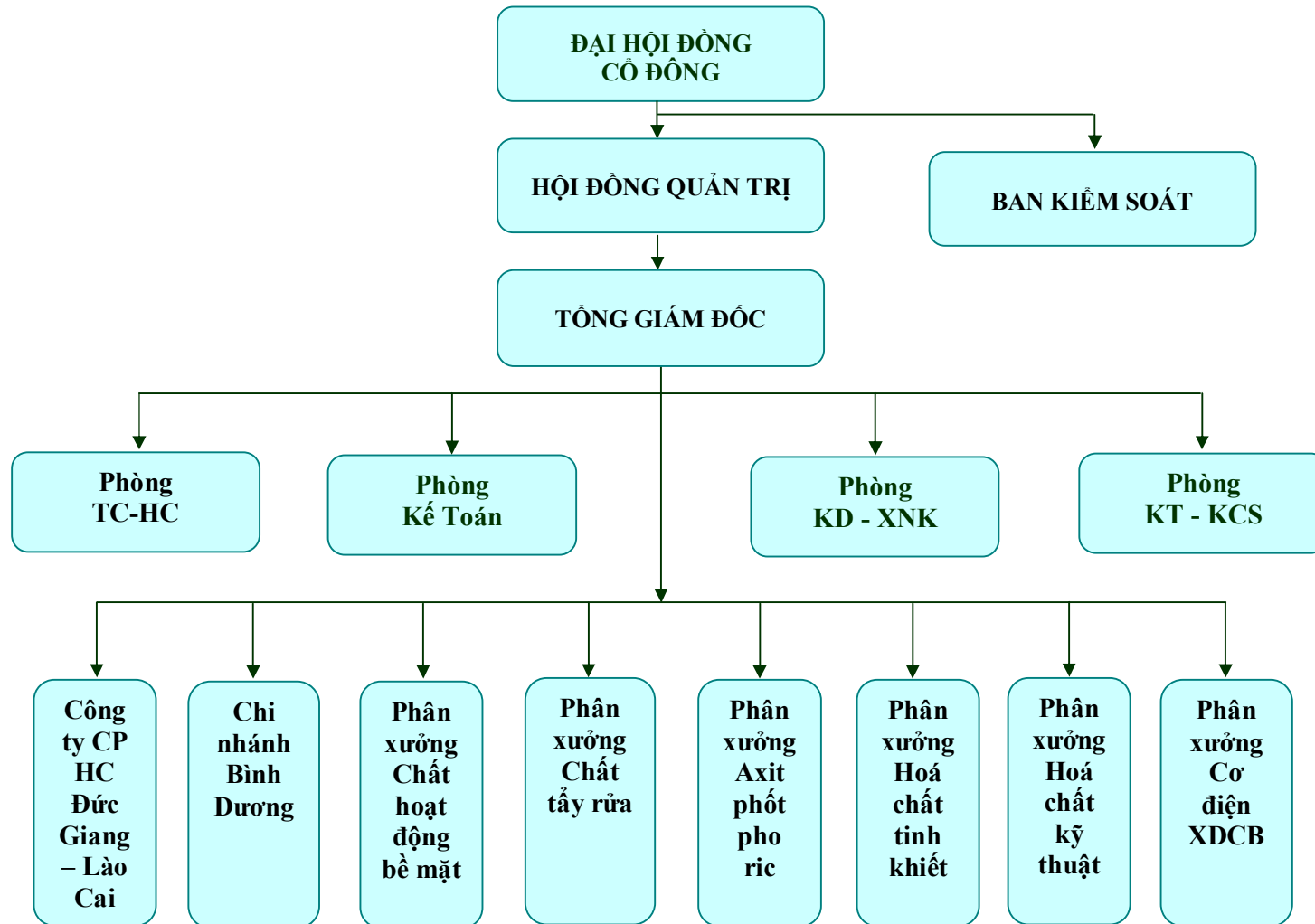
Công ty có 2 phân xưởng sản xuất Axit Phốtphoric có công nghệ sản xuất giống nhau, một phân xưởng đặt tại trụ sở 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội và một phân xưởng đặt tại Chi nhánh Bình Dương. Công suất mỗi phân xưởng là 12.000 tấn/năm. Sản phẩm chính là gồm hai dòng: Axit Phốtphoric kỹ thuật 85% và Axit Phốtphoric 85% dùng trong thực phẩm.

Ngoài ra, tại trụ sở Công ty còn có các phân xưởng như: Phân xưởng Chất hoạt động bề mặt, Phân xưởng Hoá chất tinh khiết, Phân xưởng Hoá chất kỹ thuật, Phân xưởng Cơ điện XDCB.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức bộ máy quản lý công ty Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được mô tả theo sơ đồ sau:



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và HĐQT về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

Phòng Tổ chức - Hành Chính

Có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công việc cụ thể sau:

- ✓ Công tác tổ chức và công tác cán bộ;
- ✓ Công tác đào tạo;
- ✓ Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- ✓ Công tác hành chính văn phòng.

Phòng Kế toán

Là bộ phận giúp Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính - kế toán - tin dụng. Mặt khác giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần.

Phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu

Là bộ phận chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Công tác kinh doanh - xuất nhập khẩu;
- ✓ Công tác đấu thầu, mua sắm máy móc;
- ✓ Công tác hợp đồng kinh tế;
- ✓ Công tác kế hoạch.

Phòng Kỹ thuật - KCS

Là bộ phận chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Nghiên cứu, hướng dẫn và hỗ trợ ứng dụng công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biện pháp hợp lý hóa sản xuất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm mới.
- ✓ Quản lý kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình đấu thầu, nhận thầu thi công hoặc các công trình do Công ty làm chủ đầu tư;
- ✓ Quản lý về an toàn bảo hộ lao động trong công ty;
- ✓ Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đấu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- ✓ Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Với việc phân cấp mạnh của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường,... cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty. Công ty vẫn giữ được vai trò trung tâm điều phối hoạt động của các đơn vị thông qua quy chế quản lý chung.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 14/5/2014

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 14/5/2014:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	số CMND/ số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Đào Hữu Huyền	55 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm- Hà Nội	CMND số 011686105 cấp ngày 01/10/2001 tại Hà Nội	8.777.887	26,2%
2	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội	Số 100100061 do Sở kế hoạch đầu	6.670.301	19,91%

	<u>Đại diện:</u> Vũ Nhất Tâm	P210, D5A Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	tư Hà Nội cấp ngày 10/13/2010		
3	Đào Hữu Kha	425 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội	CMND số 012438046 cấp ngày 18/4/2001 tại Hà Nội	2.635.760	7,87%
4	Ngô Thị Ngọc Lan	425 Ngô Gia Tự - Long Biên – Hà Nội	CMND số 011998132 cấp ngày 06/10/2009 tại Hà Nội	2.599.018	7,76%
	Tổng cộng			20.682.966	61,74%

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

4.2. Cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/03/2004. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 14/5/2014

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (người/tổ chức)	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ thực góp
I	Trong nước	371	33.499.103	99,9992%
	- Cá nhân	370	26.828.802	80,0875%
	- Tổ chức	1	6.670.301	19,9117%
II	Ngoài nước	0	0,00	0%
	- Cá nhân	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	1	263	0,0008
	Tổng cộng	372	33.499.366	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

5.1 Công ty mẹ: Không có

5.2 Công ty con: Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai.

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loong – Bảo Thắng – Lào Cai.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 5300299830 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 15/4/2009, cấp đăng ký thay đổi lần 02 ngày 13/11/2012.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất và buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất; Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ.
- Vốn điều lệ đăng ký: 250.000.000.0000 VND (*Hai trăm năm mươi tỷ đồng*).
- Vốn điều lệ thực góp: 250.000.000.0000 VND (*Hai trăm năm mươi tỷ đồng*), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần bột giặt và hóa chất Đức Giang nắm giữ 15.420.902 cổ phần tương ứng với 61,68% vốn điều lệ.

5.3 Công ty liên kết:

1. Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tăng Loỏng – Bảo Thắng – Lào Cai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300582654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 06/04/2012 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13/11/2012.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ.
- Vốn điều lệ đăng ký: 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng*).
- Vốn điều lệ thực góp: 200.000.000.000 đồng (*Hai trăm tỷ đồng*), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang nắm giữ 4.807.000 cổ phần tương ứng với 24,04% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai (công ty con) nắm giữ 4.516.993 cổ phần, tương ứng 22,58% vốn điều lệ. Do đó, tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty cổ phần bột giặt và Hoá chất Đức Giang tại công ty cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai là: $61,68\% \times 22,58\% = 13,93\%$.
- Tỷ lệ sở hữu và lợi ích của công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang tại công ty cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai là: $24,04\% + 13,93\% = 37,97\%$

2. Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ

- Địa chỉ: Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Khu kinh tế Đình Vũ-Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 022031000132 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/07/2013.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ; Dịch vụ kho bãi, vận tải.
- Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).
- Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.

- Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang nắm giữ 600.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai (công ty con) đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ là 600.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ. Do đó, tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty cổ phần bột giặt và Hoá chất Đức Giang tại công ty cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai là: $61,68\% \times 30\% = 18,5\%$.
- Tỷ lệ sở hữu và lợi ích của công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang tại công ty cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai là: $30\% + 18,5\% = 48,5\%$

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Hoạt động kinh doanh chính

6.1.1 Sản phẩm chính

Phốt pho vàng (P₄):

Đặc điểm: Công thức hoá học P₄; Trọng lượng phân tử là 123,90; Chất lượng loại kỹ thuật 99,9% (TC28:2005/HCDG); Dạng bên ngoài và đặc điểm là thể rắn màu vàng nhạt hoặc màu vàng. Tỷ trọng 1,83, điểm chảy 44,1⁰C, điểm sôi 281⁰C, không tan trong nước nhưng tan trong benzene, ete và cacbon disunfua.

Sử dụng: Được dùng để sản xuất phốt pho đỏ, axit photphoric, photpho triclorea, photpho oxytriclorea, photphopentoxit và photpho pentasunfua; Sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu gốc photpho hữu cơ và một số chất độc. Phốt pho vàng còn được sử dụng rộng rãi làm nguyên liệu trong một số ngành công nghiệp.

Hình ảnh:



Axit Photphoric (H₃PO₄)

Đặc điểm: Công thức hoá học H₃PO₄; Trọng lượng phân tử là 98,0; Chất lượng loại dung trong kỹ thuật và trong thực phẩm có hàm lượng H₃PO₄ không nhỏ hơn 85%; Dạng bên ngoài và đặc điểm là chất lỏng trong suốt, không màu, có vị chua. Tỷ trọng 1,697 (20⁰C).

Sử dụng: Được dùng để làm nguyên liệu sản xuất Natri Tripolyphosphat và các muối photphat khác; dung trong công nghiệp thực phẩm, vi sinh, thức ăn chăn nuôi gia súc,...

Hình ảnh:



Natri tripolyphosphat (Na₅P₃O₁₀)

Đặc điểm: Công thức hoá học $\text{Na}_5\text{P}_3\text{O}_{10}$; Trọng lượng phân tử là 367,88; Chất lượng loại kỹ thuật TC03:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm là bột màu trắng.

Sử dụng: Được dùng trong công nghiệp sản xuất các chất giặt rửa, công nghiệp thực phẩm và vi sinh,...

Hình ảnh:

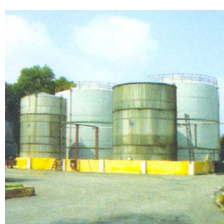


Linear alkylbenzensulfonic acid (LAS)

Đặc điểm: Công thức hoá học $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{C}_6\text{H}_4\text{SO}_3\text{H}$ (n khoảng 12); Trọng lượng phân tử trung bình 322; Chất lượng loại kỹ thuật TC04:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm thể lỏng sệt, đồng nhất, màu nâu sáng.

Sử dụng: Được dùng làm chất tạo bọt trong sản xuất các chất giặt rửa.

Hình ảnh:



Bột giặt: Đây là sản phẩm đã có thương hiệu lâu năm trong người tiêu dùng và được Công ty tái nghiên cứu sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bột giặt Đức Giang với hàm lượng chất hoạt động bề mặt không nhỏ hơn 18%, đảm bảo đánh bật mọi vết bẩn khó tẩy nhất mà lại không hại đến da tay. Thành phần chính: LASNa, STTP, Sodiumcarbonate, Natrisulfate, Chất tẩy trắng quang học, Hương liệu



Các sản phẩm của Công ty có chất lượng cao đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho phòng thí nghiệm các nhà máy, trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện, người tiêu dùng,.....

6.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

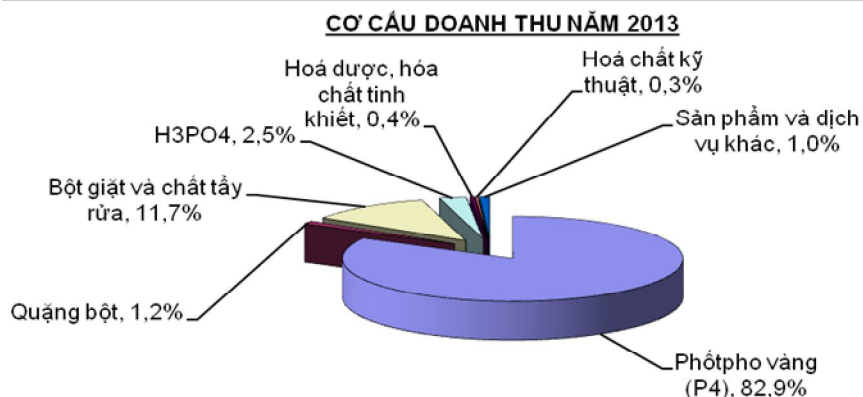
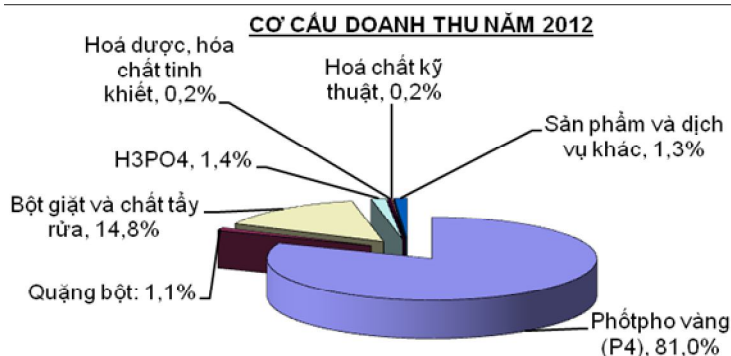
a. Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 01: Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm mặt hàng (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/ năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phốtpho vàng (P ₄)	1.591,10	81,0	1.531,33	82,9	371,09	81,2
2	Quặng bột	22,47	1,1	22,50	1,2	5,73	1,3
3	Bột giặt và chất tẩy rửa	290,38	14,8	216,74	11,7	57,46	12,6
4	H ₃ PO ₄	28,30	1,4	47,0	2,5	12,40	2,7
5	Hoá dược, hóa chất tinh khiết	4,08	0,2	7,2	0,4	2,50	0,5
6	Hoá chất kỹ thuật	3,40	0,2	4,7	0,3	1,15	0,3
7	Sản phẩm và dịch vụ khác	24,55	1,3	17,78	1,0	6,40	1,4
	Cộng	1.964,28	100	1.847,24	100	456,74	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)



Bảng 02: Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm mặt hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/ năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bột giặt và chất tẩy rửa	300,78	83,3%	216,76	71,7%	57,46	69,9%
2	H ₃ PO ₄	28,30	7,8	47,0	15,6	12,40	15,1

3	Hoá dược, hóa chất tinh khiết	4,08	1,1	7,2	2,4	2,50	3,0
4	Hoá chất kỹ thuật	3,40	0,9	4,7	1,6	1,15	1,4
5	Sản phẩm và dịch vụ khác	24,55	6,8%	26,57	8,8%	8,65	10,5%
	Cộng	361,11	100	302,24	100	82,16	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

Sản phẩm phốt pho vàng được sản xuất tại công ty con (Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai), các sản phẩm khác (bột giặt, chất tẩy rửa, hóa chất các loại,...) được sản xuất tại công ty mẹ.

Sản xuất phốt pho vàng và bột giặt, chất tẩy rửa là sản phẩm kinh doanh cốt lõi của Công ty, mang lại nguồn doanh thu chính cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn sản xuất và kinh doanh thương mại nhiều sản phẩm hóa chất cơ bản khác.

Đối với mặt vàng phốt pho vàng, nhìn chung sản lượng và doanh thu khá ổn định qua từng năm. Riêng năm 2013, doanh thu từ mặt hàng phốt pho vàng giảm 3,72% nguyên nhân là do công ty con tiến hành bảo dưỡng định kỳ một dây chuyền sản xuất trong thời gian hơn một tháng dẫn đến sản lượng phốt pho vàng giảm sút gần 4%.

Doanh thu từ mặt hàng bột giặt, chất tẩy rửa đang có sự sụt giảm mạnh (so với năm 2012, doanh thu từ nhóm hàng bột giặt, chất tẩy rửa sút giảm tới 20,4%) vì các sản phẩm này đang bị cạnh tranh rất gay gắt từ các tập đoàn sản xuất hóa chất tiêu dùng đa quốc gia như Unilever và P&G. Vì vậy, trong thời gian tới, một mặt Công ty vẫn cố gắng giữ vững thị trường tiêu thụ sản phẩm bột giặt và chất tẩy rửa, một mặt Công ty phát triển mạnh việc sản xuất các hóa chất cơ bản có nguồn gốc từ phốt pho như H₃PO₄ và các hóa chất cơ bản khác. Bởi vậy, doanh thu từ sản phẩm H₃PO₄ và các hóa chất kỹ thuật đang có mức tăng trưởng rất tốt. Tuy vậy, mặt hàng bột giặt và chất tẩy rửa chỉ chiếm khoảng 12% đến 14% doanh thu thuần (nên sự sụt giảm doanh thu từ nhóm hàng này ảnh hưởng không nhiều đến tổng doanh thu của Công ty).

Mặt khác, do tình hình kinh tế năm 2013 gặp nhiều khó khăn nên doanh thu từ dịch vụ khác (cho thuê kho bãi, vận tải,...) của Công ty cũng giảm khá mạnh (so với năm 2012, doanh thu từ dịch vụ khác sút giảm tới 40,63%).

Bảng 03: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTT)	1.964,28	99,18	1.847,24	97,16	456,74	98,49
Doanh thu tài chính	15,70	0,79	38,76	2,04	6,94	1,50
Thu nhập khác	0,590	0,03	15,29	0,80	0,06	0,01
Tổng doanh thu	1.980,57	100	1.901,29	100	463,74	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất quý I/2014)

Bảng 04: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTT)	361,11	70,61	302,24	66,48	82,16	99,40
Doanh thu tài chính	150,28	29,39	137,14	30,16	0,43	0,52
Thu nhập khác	0,014	0,003	15,29	3,362	0,06	0,073
Tổng doanh thu	511,40	100	454,66	100	82,66	100

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng quý I/2014)

So với năm 2012, tổng doanh thu hợp nhất năm 2013 giảm 4%, tổng doanh thu công ty mẹ giảm 11,1%. Trong đó:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 giảm 6% và công ty mẹ giảm 16,3% so với năm 2012 do sản lượng phốt pho và bột giặt, chất tẩy rửa có sự giảm sút đã phân tích ở trên.

- Doanh thu từ hoạt động tài chính thể hiện trên báo cáo hợp nhất năm 2013 có mức tăng 146,88% so với năm 2012 do công ty sử dụng hợp lý dòng tiền ngắn hạn từ bán hàng để cho vay. Đối với công ty mẹ, doanh thu từ hoạt động tài chính chủ yếu từ cổ tức lợi nhuận được chia, do lợi nhuận năm 2013 công ty con có sự giảm sút nên doanh thu từ hoạt động tài chính cũng có sự giảm sút 8,74% so với năm 2012.

- Thu nhập khác có sự tăng đột biến do Công ty có khoản thu nhập từ phạt hợp đồng: là tiền thanh lý hợp đồng số 598/DG-TQ ngày 5/9/2008 giữa Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang với Công ty hekou yuyang trade Co.,ltd số tiền 732.715USD, tương đương 15.248.531.865 đồng do phạt chậm tiến độ và cung cấp thiết bị không đúng.

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 05: Cơ cấu lợi nhuận gộp (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Lợi nhuận gộp bán hóa chất, chất tẩy rửa	64,02	3,26%	38,99	2,11%	10,62	2,32%
Lợi nhuận gộp bán Phốt pho	373,70	19,02%	359,99	19,49%	83,20	18,22%
Lợi nhuận gộp bán quặng bột	0,00001	0	(0,00345)	0	1,49	0,33%
Lợi nhuận gộp dịch vụ khác	27,94	1,42%	9,89	0,54%	2,35	0,51%
Tổng cộng	465,65	23,71%	408,86	22,13%	97,65	21,38%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất quý I/2014)

Bảng 06: Cơ cấu lợi nhuận gộp (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Sản phẩm	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Lợi nhuận gộp bán hóa chất, chất tẩy rửa	34,02	9,42%	35,08	11,61%	9,78	11,90%
Lợi nhuận gộp dịch vụ khác	18,00	4,99%	10,27	3,40%	3,00	3,65%
Tổng cộng	52,02	14,41%	45,35	15,01%	12,77	15,55%

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng quý I/2014)

Lợi nhuận gộp (hợp nhất) năm 2013 giảm 12,2% so với năm 2012 và giảm nhiều hơn so với sụt giảm của doanh thu (sụt giảm 4%) nguyên nhân là do: Sự sụt giảm của sản lượng phốt pho vàng và khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm bột giặt, chất tẩy rửa (nhau đã phân tích ở phần trên). Ngoài ra, việc sụt giảm lợi nhuận gộp còn do chi phí nguyên liệu sản xuất tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng trong khi giá bán sản phẩm không tăng.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012, giá trị lợi nhuận gộp của nhóm ngành bột giặt và chất tẩy rửa có sự biến động khá lớn so với báo cáo tài chính của công ty mẹ cũng như so với năm 2013. Nguyên nhân chính của sự biến động này là do khi hợp nhất báo cáo tài chính, việc hạch toán giá vốn hàng bán của khoản loại trừ nội bộ phốt pho vàng (một phần sản lượng phốt pho vàng tiêu thụ nội bộ được sử dụng để sản xuất bột giặt) được hạch toán vào giá vốn hàng bán của mặt hàng phốt pho vàng. Để phản ánh chính xác hơn doanh thu và lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất, từ năm 2013, Công ty đã chuyển hạch toán vào giá vốn hàng bán của mặt hàng bột giặt, chất tẩy rửa.

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng các sản phẩm, Công ty lựa chọn các nguyên vật liệu và nhà cung cấp đáp ứng chặt chẽ các tiêu chuẩn mà công ty đang áp dụng.

Các loại nguyên nhiên vật liệu đầu vào của Công ty được cung cấp bởi các nhà sản xuất địa phương hoặc nhập khẩu có nguồn cung cấp dồi dào, giá cả cạnh tranh. Qua quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ gắn bó lâu dài với một số nhà sản xuất và cung cấp có thương hiệu mạnh, sản lượng sản phẩm phong phú, hệ thống kênh phân phối rộng. Các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là:

Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
Quặng Apatit	Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam
LAB	TOYOTA TSUSHO CORPORATION RELIANCE INDUSTRIES LIMITED DAEWOO INTERNATION CORPORATION
Hóa chất	Công ty TNHH Văn Minh

	Yunphos International Trading Co: Ltd...
Lưu huỳnh	Công ty TNHH Văn Minh
Điện cực	Công ty TNHH Kinh tế TM Trùng Giang Sâm Uyên
Bao bì sản phẩm bột giặt	Công ty TNHH in và TM Tây Đô; Công ty TNHH NN 1TV Bao bì 27/7 Hà Nội; Công ty cổ phần bao bì Sài Gòn

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên nhiên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu cũng như sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu không phải là rủi ro đáng kể đối với Công ty. Có thể khẳng định được hầu hết nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Công ty đều đang được cung cấp từ các nguồn đáng tin cậy và có quan hệ mật thiết hoặc quan hệ lâu năm với Công ty, cụ thể: Nguyên vật liệu được cung cấp phần lớn bởi các Công ty trong cùng Tổng công ty hoặc các bạn hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm, hoặc đơn vị tự sản xuất được và các nhà sản xuất lớn, nguồn hàng phong phú, luôn đảm bảo cung cấp nhanh chóng, đầy đủ kịp thời nguồn nguyên vật liệu cho Công ty khi có nhu cầu. Ngoài ra, Công ty còn được hưởng các ưu đãi về giá, thời hạn thanh toán, cước phí vận chuyển...

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên nhiên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong những năm gần đây, giá cả vật liệu trong nước có xu hướng tăng. Bên cạnh đó giá nhiên liệu trên thị trường thế giới biến động liên tục kéo theo sự tăng giảm giá cả nhiên liệu trong nước, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực từ sự biến động giá cả nguyên, nhiên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận, Công ty thường ký kết các hợp đồng có điều khoản cho phép điều chỉnh giá trị hợp đồng khi có sự biến động giá cả các loại nguyên, nhiên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, sự biến động giá nguyên, nhiên liệu vẫn ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 07: Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Quý I/năm 2014	
	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT
Giá vốn hàng bán	1.498.627.832.661	76,29	1.438.383.162.358	77,87	359.084.248.801	78,62
Chi phí tài chính	5.640.095.412	0,29	16.565.813.421	0,90	1.815.219.924	0,40
Chi phí bán hàng	95.609.838.189	4,87	84.398.094.681	4,57	19.934.086.617	4,36
Chi phí quản lý	19.862.571.396	1,01	23.956.812.846	1,30	5.338.503.805	1,17
Cộng chi phí	1.619.740.337.658	82,46	1.563.303.883.306	84,63	386.172.059.147	84,55

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

So với năm 2012, giá vốn hàng bán năm 2013 giảm 4,02% nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có sự tăng nhẹ (tăng 1,58%). Như đã phân tích ở trên, nguyên nhân chính là trong năm 2013 sản lượng phốt pho có sự sụt giảm 4% do công ty con tiến hành bảo dưỡng định kỳ một dây chuyền sản xuất trong thời gian hơn một tháng. Mặt khác, chi phí nguyên liệu sản xuất có sự tăng nhẹ trong khi giá bán sản phẩm không tăng. Cũng do nguyên nhân sản lượng phốt pho giảm nên chi phí bán hàng năm 2013 giảm 11,73% so với năm 2012.

Chi phí tài chính năm 2013 tăng gấp 3 lần so với năm 2012 là do trong năm 2013 Công ty đã vay ngân hàng một lượng vốn khá lớn (dư nợ ngân hàng tăng hơn 149%) để bổ sung vốn cho dự án đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất phân lân giàu (TSP) và phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP) nên chi phí lãi vay tăng cao. Mặt khác, trong năm 2013 Công ty đã ghi nhận khoản lỗ từ việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phốt pho vàng Lào Cai với giá trị lỗ 6.730.301.048 đồng và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá 4.523.960.336 đồng.

Trong năm 2013, Công ty tăng cường bộ máy quản lý và chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ giai đoạn vận hành cho dự án đầu tư phân xưởng sản xuất phân lân giàu (TSP) và phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP) nên chi phí quản lý tăng 20,61% so với năm 2012.

6.4 Trình độ công nghệ

Một số dây chuyền thiết bị nhà xưởng hiện đại chủ yếu của Công ty tính đến thời điểm 31/3/2014:

Bảng 08: Trang thiết bị máy móc nhà xưởng

(Đơn vị: VND)

Stt	Tài sản	SL	Năm sử dụng	Công suất	Nước sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Dây chuyền sản xuất Bột giặt	02	2004	24.000 T/năm	Trung Quốc	9.616.651.162	1.259.387.117
1	Dây chuyền sản xuất LAS	01	1999	12.000 T/năm	Italia	29.770.653.358	759.446.530
2	Dây chuyền sản xuất H3PO4	01	2000	10.600 T/năm	Trung Quốc	2.593.152.038	-
3	Phương tiện vận tải	11				5.223.455.423	2.565.784.151
	Tổng cộng					47.203.911.981	4.584.617.798

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

Để đảm bảo cho năng lực máy móc thiết bị của Công ty sản xuất đạt năng suất, hiệu quả cao, Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo nhiều cấp, công việc này được tiến hành nghiêm ngặt theo từng ngày và định kỳ.

6.4.2 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nằm trong định hướng phát triển dài hạn của Công ty, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao là điểm then chốt tạo bước đột phá trong thời gian tới. Với mục tiêu là triển khai nghiên cứu:

- Phát triển công nghệ sản xuất các mặt hàng hóa chất tinh khiết, hóa chất kỹ thuật;
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm đầu cuối có nguồn gốc từ phốt pho như: Phân lân có hàm lượng phốt pho cao (TSP), phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP),...;

Với mục đích đó, Công ty đã thành lập Ban Nghiên cứu và xây dựng phòng thí nghiệm độc lập với mục đích phát triển các sản phẩm mới dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty, và nòng cốt là các cán bộ có trình độ chuyên môn cao không ngừng tìm tòi, thực hiện các thí nghiệm và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

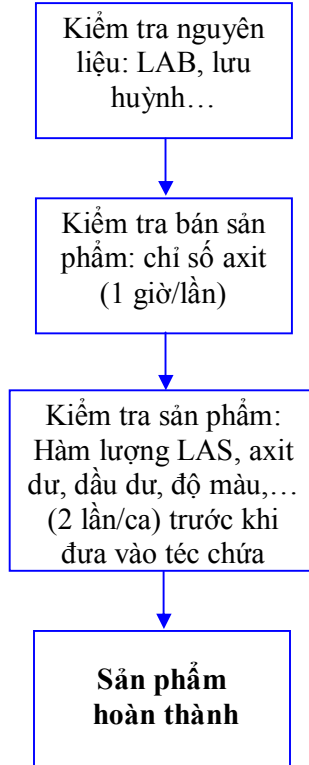
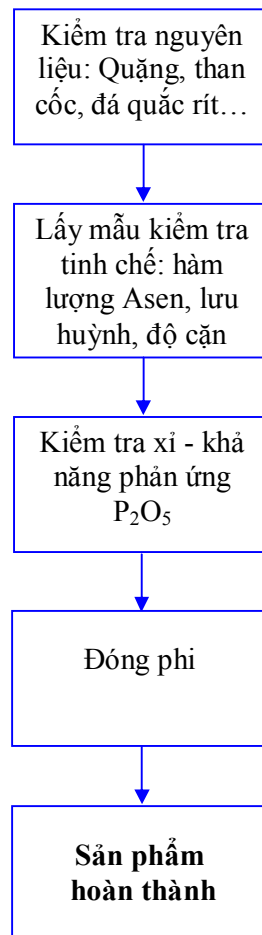
6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Từ năm 2003, Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tập đoàn GLOBAL - Anh Quốc cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn thực hiện duy trì và cải tiến quản lý chất lượng bằng văn bản phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001-2000. Hệ thống quản lý chất lượng được cụ thể hoá tới từng hoạt động riêng biệt bằng các quy trình được xây dựng và cải tiến liên tục, cụ thể:

- **Đối với công tác kỹ thuật:** Áp dụng quy trình bắt đầu từ công tác đầu tư, đấu thầu, triển khai thi công công trình, quản lý chất lượng, an toàn trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào quản lý sử dụng...
- **Đối với công tác Tổ chức - Hành chính:** Áp dụng quy trình về công tác tuyển dụng điều động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên.
- **Công tác Kinh tế - kế hoạch:** Áp dụng các quy trình về ký hợp đồng, xây dựng định mức, đơn giá, đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.
- **Sản phẩm hồng:** Áp dụng quy trình khắc phục phòng ngừa khi có nhiều lỗi phát sinh trong quá trình thi công, khắc phục những điểm không phù hợp phát hiện trong quá trình đánh giá chất lượng nội bộ và xử lý khiếu nại của khách hàng.

Để kiểm soát chất lượng sản phẩm hoàn thành. Công ty đã thành lập Ban kiểm soát quá trình thực hiện theo các tiêu chuẩn. Ban này có chức năng thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát, đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm bằng các thí nghiệm về đặc tính lý, hoá, độ chặt, độ ẩm, độ bền... Trong quá trình sản xuất, các sản phẩm đều được phòng kỹ thuật của Công ty kiểm tra nội bộ nếu đạt yêu cầu về chất lượng mới đưa sản phẩm vào sử dụng hoặc ra thị trường.

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty có thể được mô tả qua một vài quy trình chính như sau:

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm LAS**Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm Phốt pho vàng**

6.6 Hoạt động Marketing

Xuất phát từ đặc thù sản xuất kinh doanh, bản thân Công ty đã ý thức được tầm quan trọng của hoạt động Marketing nên thời gian qua hoạt động này đang được đầu tư hợp lý. Với chiến lược tăng cường năng lực cạnh tranh và đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao. Công ty đã xây dựng website riêng và bắt đầu thực hiện việc quảng bá hình ảnh công ty cũng như các sản phẩm thông qua internet nhằm tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để tăng doanh thu và đẩy mạnh xuất khẩu.

6.7 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

Nhãn hiệu Công ty:



Biểu tượng logo của Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá theo Quyết định số 52140/QĐ-SHTT ngày 01/10/2007.

6.8 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	Hợp đồng số	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị	Thời gian hoàn thành
A HỢP ĐỒNG ĐÃ THỰC HIỆN					
I HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU					
1	OZ-EA13-1270	Mitsubishi Corporation	Phốt pho vàng	1.266.048 USD	2013
2	08/DG-UPL	UPL Ltd	Phốt pho vàng	3.628.800 USD	2013
3	09/DG-EX	Excel Industries Ltd	Phốt pho vàng	3.024.000 USD	2013
II HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU					
1	01/DG-NM/11	NIRMA Limited	LAB	965.000 USD	2013
2	01-13/DLC-VHBT	Công ty cổ phần TM XNK Vĩnh Hà	Than cốc	25.000.000.000 VND	2013
III HỢP ĐỒNG MUA BÁN					
1	06/HĐ-KHTT	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Quặng Apatit	Hợp đồng nguyên tắc	2013
2	02-13/DLC-KYY	Công ty TNHH Vũ Dương Hà Khẩu	Than cốc	24.480.000.000 VND	2013
3	0907/2013/HCCB-HCĐG	Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền nam	Axit sulfuric	2.420.000.000 VND	2013

B HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN HOẶC ĐÃ KÝ KẾT					
I HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU					
1	01/DG-OCI	OCI (Hong Kong) Limited	Phốt pho vàng	871.640 USD	2014
II HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU					
1	01/DG-NM/14	Reliance	LAB	1.960.000 USD	2014
2	01/DG-NM/14	NIRMA Limited	LAB	965.000 USD	2014
III HỢP ĐỒNG MUA BÁN					
1	115/HDKT/DGC-HAPI	Công ty CP Hóa dầu và thiết bị Công nghiệp Hà Nội	Dung dịch URE	555.725.775 VND	2014
2	0105/DG-REX/2014	Công ty CP XNK vật tư kỹ thuật Rexo	Thiết bị phân tích nguyên tố bằng tán xạ năng lượng huỳnh quang tia X	65.680 UER	2014

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm 2012, 2013 và Quý I/2014

Bảng 09: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	QI/năm 2014
Tổng giá trị tài sản	1.037.434.500.549	1.412.471.618.431	36,2	1.406.305.095.730
Vốn chủ sở hữu	455.690.721.706	625.385.078.338	37,2	626.746.048.187
Doanh thu thuần	1.964.280.597.278	1.847.241.179.935	-6,0	456.735.307.500
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	360.236.249.749	322.698.687.170	-10,	77.507.956.329
Lợi nhuận khác	-1.956.330.353	13.635.250.880	797,0	-55.790.348
Lợi nhuận trước thuế	358.972.969.050	336.414.041.848	-6,3	77.452.165.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.129.422.785	39.100.769.054	-	11.449.384.733
Lợi nhuận sau thuế	334.844.673.168	297.312.145.892	-11,2	66.002.781.248
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	214.041.077.882	188.998.957.601	-11,7	42.532.473.588
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	120.803.595.286	108.313.188.290	-10,3	23.470.307.660
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức*	63,98%%	66,65%%		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	46,97%	34,96%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/năm 2014)

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	QI/năm 2014
Tổng giá trị tài sản	446.589.756.228	580.966.714.104	30,1	557.890.700.934
Vốn chủ sở hữu	400.949.076.844	541.100.134.450	35,0	503.435.055.577
Doanh thu thuần	361.109.431.673	302.235.671.152	-16,3	82.163.252.334
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	169.975.736.591	141.096.701.405	-17,0	6.088.047.589
Lợi nhuận khác	-1.362.514.491	13.970.200.980	1.125,3	184.008
Lợi nhuận trước thuế	168.613.222.100	155.066.902.385	-8,0	6.088.231.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.566.589.463	5.101.560.409		1.339.410.951
Lợi nhuận sau thuế	165.046.632.637	149.965.341.976	-9,1	4.748.820.646
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	82,97%	84%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	41,16%	31,84%	-	-

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Ghi chú (): Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính trên số tiền thực tế công ty mẹ chi trả cổ tức và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất*

Trong năm 2013, công ty mẹ và công ty con đều tiến hành tăng vốn điều lệ để thực hiện dự án đầu tư sản xuất phân lân giàu và phụ gia thức ăn chăn nuôi (tại công ty con) và các dự án chế biến sâu quặng Apatit (tại công ty liên kết) nên vốn chủ sở hữu và tổng tài sản có sự tăng trưởng tương ứng 35% và 30,1% so với năm 2012. Do đang trong giai đoạn đầu tư nên mặc dù vốn chủ sở hữu và tổng tài sản có sự tăng trưởng nhưng các khoản đầu tư chưa mang lại doanh thu và lợi nhuận nên không cải thiện được sự sụt giảm của các chỉ tiêu này trong năm 2013 (Doanh thu hợp nhất giảm 6%; doanh thu thuần công ty mẹ giảm 16,3%). Dự kiến cuối năm 2014 các phân xưởng phân bón, phụ gia thức ăn chăn nuôi sẽ vận hành thương mại và bắt đầu có sự đóng góp và tổng doanh thu, lợi nhuận của công ty từ năm 2015.

Theo chính sách khuyến khích đầu tư tại khu vực đặc biệt khó khăn của Nhà nước, đối với dây chuyền sản xuất phốt pho số 1 tại công ty con được được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm, được miễn 100% giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo tính từ thời điểm doanh nghiệp bắt đầu có thu nhập chịu thuế (năm 2010). Đối với dây chuyền sản xuất phốt pho số 2, do được coi là phần mở rộng của dự án đầu tư nên không được hưởng chính sách ưu đãi thuế và phải nộp 100% thuế thu nhập doanh nghiệp từ khi bắt đầu vận hành (năm 2011). Do đó, từ 2010-2013, thu nhập từ dây chuyền sản xuất phốt pho 1 tại công ty con (năm 2012 là 226.500.548.514 đồng và năm 2013 là 181.466.247.486 đồng) sẽ được miễn 100% thuế TNDN. Từ năm 2014 giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của công ty sẽ bắt đầu tăng do thu nhập từ dây chuyền sản xuất phốt pho 1 tại công ty sẽ chỉ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Riêng đối với công ty mẹ, thu nhập từ cổ tức được chia tại công ty con, công ty liên kết (năm

2012 là 149.744.356.307 đồng và năm 2013 là 135.391.138.552 đồng) không phải chịu thuế TNDN theo chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

7.1 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Công ty đã có những mặt hàng truyền thống như LAS, phốt pho vàng, H_3PO_4 , $Na_5P_3O_{10}$ và những khách hàng truyền thống như: Toyotatusho, Sumimoto.
- Các ngành kinh tế tiếp tục phát triển, các mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh đặc biệt là phốt pho vàng.
- Sản phẩm bột giặt và chất tẩy rửa đã có thương hiệu và uy tín trên thị trường.
- Có đội ngũ công nhân, kỹ sư lành nghề.
- Có mặt bằng sản xuất rộng, địa điểm giao dịch thuận lợi.

❖ Khó khăn:

- Giá nguyên liệu tăng nhanh, một số nguyên liệu đầu vào khan hiếm, đặc biệt là than cốc. Do Công ty lấy ít nên không dành được quyền phân phối mà phải mua qua đại lý, dẫn đến giá cao, chất lượng không ổn định.
- Hoạt động xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng doanh thu nên có nhiều rủi ro biến động về tỷ giá và thị trường thế giới.
- Do mặt bằng sản xuất kinh doanh hiện tại của công ty đang được quy hoạch thành khu dân cư dẫn đến việc công ty phải dịch chuyển dần sản xuất đến địa bàn khác. Việc di dời này sẽ có giai đoạn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Mặt hàng chiến lược trong thời gian tới là các chất tẩy rửa đặc biệt là sản phẩm bột giặt có sự tranh tranh khốc liệt từ các công ty trong nước dẫn đến lợi nhuận không cao. Ngoài ra các sản phẩm hóa chất khác như STPP, H_3PO_4 ... vấp phải sự cạnh tranh rất lớn do có các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ Trung Quốc.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, kết quả sự chỉ đạo kiên quyết, sát sao và kịp thời của lãnh đạo Công ty cùng sự đoàn kết nhất trí, năng động của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực sáng tạo của đội ngũ CBCNV, Công ty đã vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Để khắc phục các khó khăn trên, từ năm 2007 công ty đã chú trọng tới công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tái cơ cấu tài chính, giảm bớt áp lực về vốn vay và tăng cường năng lực tài chính công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang tiền thân là Công ty Hoá chất Đức Giang, công ty có truyền thống sản xuất Hoá dược tinh khiết cung cấp cho thị trường Việt Nam 50 năm

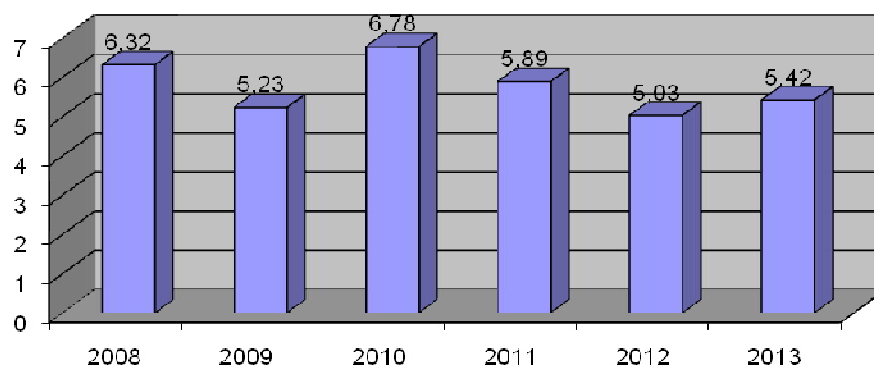
qua. Thương hiệu Hoá chất Đức Giang có uy tín nhất định trên thị trường Việt Nam.

- Một số dây chuyền công nghệ do Liên hợp quốc tài trợ hiện còn hoạt động tốt như hệ thống chung cất cồn tuyệt đối, hệ chung cất dung môi, hệ chung cất axit HCl, HNO₃, hệ sản xuất NH₄OH,...
- Các kỹ sư và công nhân lành nghề đã được đào tạo và thực hành tại các phân xưởng, các nhà máy của công ty.
- Có mặt bằng nhà xưởng rộng, phòng KCS thuận tiện cho việc khôi phục và sản xuất Hoá chất tinh khiết, Hoá dược.
- Đã được công nhận đạt hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2000 do tập đoàn GLOBAL - Anh Quốc cấp.
- Trụ sở Công ty gần trung tâm, cảnh quan và điều kiện làm việc tốt có thể thu hút được các kỹ sư có trình độ về làm việc.

8.2 *Triển vọng phát triển ngành*

Với một nền kinh tế đang tăng trưởng như hiện nay thì nhu cầu về các sản phẩm trong lĩnh vực hoạt động của Công ty đang có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, khoảng 50%/năm. Trong khi đó, năng lực sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu đó mà chủ yếu phải nhập khẩu từ Trung Quốc, Đức, Pháp, Mỹ,... Bên cạnh đó, đây là ngành có lợi nhuận ổn định mà vốn đầu tư không quá nhiều, tốc độ thu hồi vốn nhanh (khoảng 2 - 3 năm).

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP



8.3 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.*

Cùng với tốc độ tăng trưởng ổn định của nền kinh tế Việt Nam, thị trường hoá chất, hoá dược có sự phát triển khả quan, hứa hẹn tạo ra lợi tức hấp dẫn thu hút đầu tư. Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 *Số lượng Lao động và cơ cấu lao động*

Tại thời điểm 31/03/2014, tổng số lao động trong Công ty là 247 người.

Bảng 11: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

Cơ cấu lao động	Số lượng	
	Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn:		
1. Trên Đại học	2	1
2. Đại học	25	12
3. Cao đẳng	15	5
4. Trung cấp	5	2
5. Công nhân kỹ thuật	110	50
6. Lao động phổ thông	20	0
Phân theo phân công lao động:		
1. Hội đồng quản trị	4	1
2. Ban Giám đốc	3	0
3. Lao động quản lý	12	5
4. Lao động trực tiếp	138	58
5. Lao động gián tiếp	20	18

9.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

■ Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

■ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, các đơn vị trực thuộc, phòng ban lập kế hoạch tuyển lao động theo từng loại chức danh ngành nghề trình Công ty. Theo quy chế tuyển dụng, phòng Tổ chức hành chính căn cứ nhu cầu nhân lực và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh lập, cân đối nhân lực theo nhu cầu, lập kế hoạch tuyển dụng lao động trình Giám đốc Công ty phê duyệt thực hiện.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Hàng năm, Công ty thường tổ chức các đợt kiểm tra trình độ chuyên môn nhằm phân loại cán bộ công nhân viên theo trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề từ đó lập các kế hoạch bồi dưỡng đào tạo bổ sung. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

■ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Hiện nay, Công ty đã xây dựng được quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối dựa trên cơ sở đặc tính công việc, thời gian lao động và năng suất lao động. Việc phân phối lương này được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Cùng với tiền lương, nhằm tạo không khí, môi trường làm việc tích cực, hăng hái thi đua sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện chính sách khen thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các biện pháp sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt kết quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên, có chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, ...

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trong 2 năm 2012 và 2013 như sau:

Năm chi trả	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2012	62,27%	10% bằng tiền mặt
		52,27% bằng cổ phiếu
Năm 2013	37,6%	tạm ứng 10% bằng tiền mặt trong năm 2013
		Đã chi trả phần còn lại (27,6%) bằng tiền mặt trong tháng 04 năm 2014.

(Nguồn: nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính năm 2013 đã kiểm toán và báo cáo tài chính QI/2014 do Công ty tự lập)

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Việc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty hiện đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, chính sách khấu hao áp dụng năm 2006 được thực hiện nhất quán với năm trước. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
--------------	--------------------------

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	2 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 8
Thiết bị quản lý	3 - 6

(Nguồn: Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

11.1.2 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân năm 2013 là 10.500.000 đồng/người/tháng và năm 2014 Công ty vẫn duy trì mức tổng thu nhập bình quân của người lao động là 10.500.000 đồng/người/tháng.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Từ năm 2006 trở về trước, do chuyển đổi mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo công ăn việc làm ổn định cho trên 100 người nên Công ty đã được miễn nhiều loại thuế. Chính điều đó đã giúp Công ty tích lũy được năng lực tài chính khá vững mạnh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước.

Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
Thuế Giá trị gia tăng	983.588.808	277.082.061	-
Thuế Xuất nhập khẩu	6.795.752.843	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.808.448.366	36.061.045.595	43.216.336.444
Thuế thu nhập cá nhân	162.430.530	5.255.733.191	5.701.376.810
Thuế khác	-	251.000	251.000
Tổng cộng	35.750.220.547	41.594.111.847	48.917.964.254

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Số dư các khoản phải nộp theo luật định (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
Thuế Giá trị gia tăng	983.588.808	277.082.061	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.152.789.214	4.294.093.884	1.339.410.951
Thuế thu nhập cá nhân	49.383.212	515.236.755	245.927.880
Thuế khác	-	-	-

Tổng cộng	5.185.761.234	5.086.412.700	1.585.338.831
------------------	----------------------	----------------------	----------------------

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

11.1.5 Trích lập các quỹ

Số dư lũy kế các quỹ (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
Quỹ đầu tư phát triển	38.176.542.817	74.997.207.619	101.747.883.377
Quỹ dự phòng tài chính	16.735.308.330	33.719.599.030	49.276.781.913
Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.348.379.051	44.614.474.140	51.134.981.144

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Số dư lũy kế các quỹ (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
Quỹ đầu tư phát triển	25.858.024.423	35.511.821.195	43.010.088.294
Quỹ dự phòng tài chính	10.919.206.545	19.097.776.854	26.596.043.953
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.040.525.597	10.221.669.979	17.612.686.984

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: Được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ trích 5%. Ngoài ra, toàn bộ các khoản thuế được miễn giảm theo chính sách hỗ trợ của Nhà nước được bổ sung quỹ đầu tư phát triển.
- Quỹ dự phòng tài chính: Được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ trích 5%.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ trích 6%.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Trong năm 2012 và 2013, do sử dụng nguồn vốn một cách linh hoạt và hiệu quả và không có các khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn đều được công ty trả đúng hạn.

Các khoản vay qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Vay ngắn hạn	79.710.673.511	198.626.203.460	240.438.183.502
Vay dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	79.710.673.511	198.626.203.460	240.438.183.502

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Chi tiết vay ngắn hạn tại 31/12/2013

Đối tượng	Số dư	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	115.814.704.806	04 tháng	3%/năm
Ngân hàng ANZ	33.093.652.174	01 tháng	3%/ năm
Ngân hàng TMCP Quân đội	38.819.009.720	03 tháng	3%/năm
Ngân hàng TMCP Á Châu	10.898.836.760	03 tháng	3%/năm
Cộng	198.626.203.460		

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013)

Chi tiết vay ngắn hạn tại 31/3/2014

Đối tượng	Số dư	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	90.284.469.821	04 tháng	3%/năm
Ngân hàng ANZ	59.272.481.538	01 tháng	3%/ năm
Ngân hàng TMCP Quân đội	90.881.232.143	03 tháng	3%/năm
Cộng	240.438.183.502		

(Nguồn: BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Các khoản vay qua các năm (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2012		31/12/2013		31/3/2014	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Vay ngắn hạn	0	0	0	0	0	0
Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

11.1.7 Các khoản nợ phải thu**Các khoản phải thu qua các năm (hợp nhất)**

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
I	Phải thu ngắn hạn	139.731.197.636	582.188.764.520	566.098.663.642
1	Phải thu khách hàng	119.496.737.208	149.041.853.297	79.743.522.344
2	Trả trước cho người bán	15.627.752.498	50.202.226.227	55.697.417.137
3	Các khoản phải thu khác	4.825.984.561	383.401.460.676	431.114.499.841
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(219.276.631)	(456.775.680)	(456.775.680)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Các khoản phải thu qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
I	Phải thu ngắn hạn	147.874.333.392	316.790.733.859	281.027.429.439
1	Phải thu khách hàng	12.848.873.542	7.500.351.669	9.677.698.319
2	Trả trước cho người bán	684.285.641	1.748.029.490	2.490.987.707
3	Các khoản phải thu khác	134.560.450.840	307.999.128.380	269.315.519.093
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(219.276.631)	(456.775.680)	(456.775.680)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Chi tiết các khoản phải thu khác (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	01/01/2013	31/12/2013	31/3/2014
CTCP Phốt pho Vàng Lào Cai	1.830.106.651	-	-
CTCP Hoá chất Phân bón Lào Cai	-	363.062.519.332	401.480.167.059
Ban Quản lý các khu công nghiệp Lào Cai	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.486.843.224	850.142.474	-
Công ty TNHH Văn Minh	-	38.551.680	39.265.680
CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ	-	17.020.912.557	27.078.035.557
Phải thu khác các đối tượng khác	759.034.686	1.679.334.633	1.767.031.545
Tổng cộng	4.825.984.561	383.401.460.676	431.114.499.841

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Chi tiết các khoản phải thu khác (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Đối tượng	01/01/2013	31/12/2013	31/3/2014
CTCP Phốt pho Vàng Lào Cai	1.830.106.651	-	-
CTCP Hoá chất Phân bón Lào Cai	-	34.104.478.576	17.162.030.567
CTCP Hoá chất Đức Giang Lào Cai	132.515.313.348	267.394.058.552	239.007.273.760
Công ty TNHH Văn Minh	-	38.551.680	39.265.680
CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ	-	6.000.000.000	12.632.806.882
Phải thu khác các đối tượng khác	215.030.841	462.039.572	474.142.204
Tổng cộng	134.560.450.840	307.999.128.380	269.315.519.093

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Trong năm 2013 công ty con thực hiện dự án đầu tư sản xuất phân lân giàu và phụ gia thức ăn chăn nuôi nên số dư khoản trả trước cho người bán có sự tăng đột biến, tăng 221,24% so với năm 2012.

Các khoản phải thu khác (hợp nhất) cuối năm 2013 và 31/3/2014 khá lớn là chủ yếu do:

- Công ty sử dụng tiền nhận rồi và không ổn định thu được từ bán hàng để cho công ty liên kết (CTCP Hoá chất Phân bón Lào Cai) vay để đầu tư sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,5%/năm, kỳ hạn 03 tháng;

– Khoản tiền phải thu của CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ: CTCP Hoá chất Đức Giang Đình Vũ dự kiến tăng vốn từ 20 lên 40 tỷ đồng). Công ty mẹ và công ty con đã chuyển tiền góp vốn tăng thêm cho CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ (đến 31/12/2013 là 17.020.912.557 đồng và đến 31/3/2014 là 27.078.035.557 đồng), tuy nhiên, do CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ chưa hoàn tất thủ tục tăng vốn, nên khoản tiền này chưa được ghi nhận là vốn góp và trong thời gian chờ tăng vốn CTCP Hoá chất Đức Giang – Đình Vũ sẽ phải trả lãi 6,5%/năm (bắt đầu từ 1/1/2014)

Đối với riêng công ty mẹ, các khoản phải thu khá ổn định qua các năm. Tuy nhiên, số dư các khoản phải thu khác khá lớn chủ yếu do phải thu của công ty con: Tiền cho công ty con vay với lãi suất 6,5%/năm, kỳ hạn 3 tháng từ nguồn tiền tiền cổ tức được chia nhưng công ty mẹ chưa có nhu cầu sử dụng (tại 31/12/2013 là 132.002.920.000 đồng và tại 31/3/2014 là 132.002.920.000 đồng). Ngoài ra, vào thời điểm 31/12 hàng năm, Công ty con tạm thời thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết hội đồng quản trị nhưng chưa thực hiện chi trả (do chưa có nghị quyết cuối cùng của Đại hội đồng cổ đông) nên số dư khoản tiền cổ tức phải thu hàng năm luôn khá lớn. Tiền cổ tức phải thu (tại 31/12/2013 là 135.391.138.552 đồng và tại 31/3/2014 là 107.004.353.760 đồng).

11.1.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
NỢ PHẢI TRẢ		452.343.184.288	639.479.530.694	609.703.123.821
I	Nợ ngắn hạn	452.313.318.188	639.479.530.694	609.703.123.821
1	Vay và nợ ngắn hạn	79.710.673.511	198.626.203.460	240.438.183.502
2	Phải trả người bán	78.741.284.869	122.589.502.571	102.948.522.583
3	Người mua trả tiền trước	113.765.512.729	34.976.530.763	10.773.284.944
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	35.750.220.547	41.594.111.847	48.917.964.254
5	Phải trả người lao động	16.345.142.624	17.967.258.687	6.167.014.904
6	Chi phí phải trả	9.129.137.537	10.968.439.170	-
7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	88.522.967.320	168.143.010.057	149.323.172.490
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.348.379.051	44.614.474.140	51.134.981.144
II	Nợ dài hạn	29.866.100	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	29.866.100	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Các khoản phải trả qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
NỢ PHẢI TRẢ		45.640.679.384	39.866.579.654	54.455.645.357
I	Nợ ngắn hạn	45.610.813.284	39.866.579.654	54.455.645.357

1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2	Phải trả người bán	19.838.664.441	12.012.054.921	29.571.254.388
3	Người mua trả tiền trước	1.919.908.442	3.189.876.403	2.046.922.212
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	5.185.761.234	5.086.412.700	1.585.338.831
5	Phải trả người lao động	7.727.853.534	8.654.165.714	3.209.272.522
6	Chi phí phải trả	297.545.031	(4.000.000)	-
7	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.600.555.005	706.399.937	430.170.420
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.040.525.597	10.221.669.979	17.612.686.984
II	Nợ dài hạn	29.866.100	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	29.866.100	-	-

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Các khoản nợ phải trả đối với công ty mẹ khá nhỏ và ổn định qua các năm nhưng trong báo cáo tài chính hợp nhất tăng khá cao là do dư nợ phải trả tại công ty con tăng.

11.1.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
1	Nguyên liệu, vật liệu	137.792.700.486	158.696.637.509	177.815.802.983
2	Vật tư xây dựng cơ bản	48.151.000	37.475.622.534	7.348.008.357
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.968.056.804	1.638.366.612	69.930.608
4	Thành phẩm	20.642.141.721	27.126.258.053	33.678.994.329
Tổng cộng		160.451.050.011	224.936.884.708	218.912.736.277

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013, BCTC hợp nhất QI/ năm 2014)

Hàng tồn kho qua các năm (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
1	Nguyên liệu, vật liệu	36.063.069.690	16.600.765.204	14.094.731.644
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.631.156	69.930.608	69.930.608
3	Thành phẩm	15.294.733.606	17.826.042.675	19.671.213.319
Tổng cộng		51.427.434.452	34.496.738.487	33.835.875.571

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013, BCTC riêng QI/ năm 2014)

Do đặc thù của ngành sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa (đối với công ty mẹ) và sản xuất phốt pho (đối với công ty con), Công ty luôn phải dự trữ một lượng nguyên liệu nhất định (đảm bảo sản xuất liên tục tối thiểu khoảng 20 ngày) và một lượng thành phẩm nhất định gối đầu cho các đơn hàng. Mặt khác, nguyên liệu sản xuất cũng như thành phẩm tồn kho đều là sản phẩm không hư hỏng theo thời gian và chỉ chiếm khoảng 12% tổng doanh thu nên công ty không trích lập dự phòng.

11.1.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	93.898.424.397	109.008.144.673	109.008.144.673
2	Đầu tư tài chính dài hạn khác	18.254.280.000	-	-
	Tổng cộng	112.152.704.397	109.008.144.673	109.008.144.673

Đầu tư tài chính dài hạn (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	31/3/2014
1	Đầu tư vào công ty con	154.209.020.000	154.209.020.000	154.209.020.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	48.070.000.000	54.070.000.000	54.070.000.000
3	Đầu tư tài chính dài hạn khác	18.254.280.000	-	-
	Tổng cộng	220.533.300.000	208.279.020.000	208.279.020.000

Trước thời điểm 01/1/2013, Công ty sở hữu 246.000 cổ phần Công ty Cổ phần Phốt pho vàng Lào Cai tương đương 12% vốn điều lệ. Trong năm 2013, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này.

11.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,59	1,59
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,23	1,24
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43,6	45,27
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	99,27	102,25
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,30	7,46
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,89	1,31
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,90	10,23
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	46,97	34,96
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	20,63	15,43
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18,34	17,47

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013)

Bảng 13: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,54	8,88
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,32	8,01
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	10,32	6,86
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,38	7,37
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,01	5,98
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,81	0,59
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	45,71	49,62
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	41,16	31,84
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	37,31	29,31
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	47,07	46,68

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013)

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**Danh sách Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch – Tổng Giám đốc	07/6/1956	8.777.887	26,2%
2	Đào Việt Hưng	Thành viên - phó Tổng Giám đốc	21/11/1977	122.009	0,36%
3	Vũ Nhất Tâm	Thành viên	18/01/1960	6,670,301	19,91%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Sở hữu cá nhân</i>			0	0
	<i>Đại diện sở hữu cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>			6,670,301	19,91%
4	Lưu Bích Đạt	Thành viên	04/9/1983	25.217	0,08%
5	Phạm Thị Nhung	Thành viên	06/5/1963	148.723	0,44%

Danh sách thành viên ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Văn Ngo	Trưởng ban	26/4/1978	24.063	0,07%
2	Nguyễn Tiến Khang	Thành viên	20/8/1952	0	0%
3	Vũ Minh Thuyết	Thành viên	28/8/1967	85.038	0,25%

Danh sách thành viên ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	07/6/1956	8.777.887	26,2%
2	Đào Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc	21/11/1977	122.009	0,36%
3	Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	10/10/1988	85.164	2,5%

Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	09/3/1981	34.764	0,01%

12.1 Hội đồng quản trị

Ông Đào Hữu Huyền - Chủ tịch HĐQT Công ty

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/06/1956
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011686105, nơi cấp thành phố Hà Nội, ngày cấp 28/8/2010
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Hoá
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đức Giang Lào Cai
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 đến T4/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc
Từ T5/2007 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Từ T5/2009 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty cổ phần Đức Giang Lào Cai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ T4/2012 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty cổ phần Đức Giang Lào Cai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

8.777.887 cổ phần, chiếm 26,2%; trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 8.777.887 cổ phần, chiếm 26,2%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty
1	Nguyễn Thị Hồng Lan	Vợ	735.850	2,20%	Không	Không
2	Đào Hữu Duy Anh	Con trai	85.164	0,25%	Không	Không
3	Đào Hồng Hạnh	Con gái	15.227	0,05%	Không	Không
4	Đào Thi Quyên	Em	24.063	0,07%	Không	Không
5	Đào Hữu Kha	Em	2.635.760	7,87%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Tổng Giám đốc
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Chủ tịch HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Đào Việt Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/11/1977
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 42/408 Ngô Gia Tự - Đức Giang – Long Biên – Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011874672 Ngày cấp: 19/2/2011 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa học
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T5/2001 đến T4/2004	Công ty Thạch Bàn	Nhân viên phòng kỹ thuật
Từ T8/2004 đến T12/2006	Công ty TNHH sản xuất đá	Quản đốc phân xưởng đá mài

	mài SECOIN – EDM	
Từ T4/2007 đến T7/2007	Công ty TNHH BIKEN Việt Nam	Chuyên viên kỹ thuật
Từ T8/2007 đến T2/2010	Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Phó trưởng phòng kinh doanh
Từ T3/2010 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
122.009 cổ phần, chiếm 0,36%, trong đó
 - Sở hữu cá nhân: 122.009 cổ phần, chiếm 0,36%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty
1	Đào Văn Học	Bố	3.000	0,01%	Không	Không
2	Phạm Minh Châu	Vợ	5.000	0,01%	Không	Không
3	Đào Thị Thu Hiền	Em	5.000	0,01%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Phó Tổng Giám đốc
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Lưu Bách Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/9/1983
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Bằng B – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012106263 Ngày cấp: 12/6/2008 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Hội đồng quản trị**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/2007 đến T4/2009	Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Kỹ sư hóa chất phòng kỹ thuật
Từ T5/2009 đến T3/2010	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Quản đốc phân xưởng Bột giặt
Từ T4/2010 đến T5/2010	Công ty cổ phần Đức Giang Lào Cai	Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc phân xưởng Bột giặt
Từ T5/2010 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
25.217 cổ phần, chiếm 0,08%, trong đó
 - Sở hữu cá nhân: 25.217 cổ phần, chiếm 0,08%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Vũ Nhất Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/01/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P210, D5A Trần Thái Tông – Cầu Giấy – Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012420006, nơi cấp: Hà Nội, ngày cấp 22/02/2001
- Điện thoại liên hệ: Di động: 090 434 9930
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ, Thạc sỹ luật
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Hội đồng quản trị**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cao su Đà Nẵng (DRC)
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần phân bón Miền Nam
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 đến năm 1987	Xí nghiệp đá nhẹ	Kỹ sư, phó quản đốc
Từ năm 1987 đến năm 1989	Công ty thiết kế mô hóa chất	Kỹ sư
Từ năm 1989 đến năm 1991	Học viện hành chính trung ương	Học viên
Từ năm 1991 đến năm 1999	Tổng công ty khoán sản Việt Nam	Phụ trách kỹ thuật và an toàn khai thác mỏ, Phó chánh văn phòng
Từ năm 1999 đến năm 2003	Vụ pháp chế - Bộ công nghiệp	Chuyên viên chính
Từ năm 2003 đến nay	Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Chuyên viên chính; Trưởng ban tổ chức nhân sự
Từ tháng 10/2013 đến nay	Công ty cổ phần Phân bón miền nam	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ tháng 12/2013 đến nay	Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ ngày 29/3/2014 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
6.670.301 cổ phần, chiếm 19,911%, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu đại diện (Tập đoàn Hoá chất Việt Nam): 6.670.301 cổ phần, chiếm 19,91%
 - Sở hữu của người có liên quan: Tập đoàn Hoá chất Việt Nam: 6.670.301 cổ phần, chiếm 19,91%
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Thành viên HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Bà Phan Thị Nhung - Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 06/05/1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 24 Hẻm 268/136/7 Tổ 27, P. Ngọc Thụy, Q. Long Biên, Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 011037804 Ngày cấp: 14/5/2008 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Hoá
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm kiêm Trưởng phòng KCS Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T8/1987 đến T12/2008	Công ty Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Chuyên viên phòng KCS
Từ T1/2008 đến T12/2010	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Phó trưởng phòng KCS
Từ T1/2011 đến T2/2011	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng KCS
Từ T3/2011 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Hội đồng quản trị, trưởng phòng KCS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 148.723 cổ phần**, chiếm 0,44%; trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 148.723 cổ phần, chiếm 0,44%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Trưởng phòng KCS
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Chủ tịch HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.2 Ban Giám đốc

Ông Đào Hữu Huyền – Tổng giám đốc

Lý lịch được trình bày tại phần 12.1 - Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông - Đào Việt Hưng - Phó tổng giám đốc

Lý lịch được trình bày tại phần 12.2 - Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Đào Hữu Duy Anh – Phó tổng giám đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/10/1988
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012502264, nơi cấp thành phố Hà Nội, ngày cấp 19/7/2007
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ đại học Cambridge, chuyên ngành Hoá
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Lào Cai
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T1/2012 đến T3/2013	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Trợ lý Giám đốc
	Công ty cổ phần phân bón Lào Cai	Ủy viên Hội đồng quản trị
Từ T4/2013 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc
	Công ty cổ phần phân bón Lào Cai	Ủy viên Hội đồng quản trị
	Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 85.164 cổ phần**, chiếm 0,25%; trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 85.164 cổ phần, chiếm 0,25%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty
1	Đào Hữu Huyền	Bố	8.777.887	26,2%	Không	Không
2	Nguyễn Thị Hồng Lan	Mẹ	735.850	2,2%	Không	Không

3	Đào Hồng Hạnh	Em	15.227	0,05%	Không	Không
---	---------------	----	--------	-------	-------	-------

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Phó Tổng Giám đốc công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.3 Ban kiểm soát

Ông Vũ Văn Ngo – Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/4/1978
- Nơi sinh: Nam Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thành Lợi, Vụ Bản, Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 162162968 Ngày cấp: 19/10/2010 Nơi cấp: Nam Định
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng Công ty TNHH Văn Minh
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2006 đến T04/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán viên
Từ T5/2007 đến nay	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán trưởng Công ty TNHH Văn Minh
	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 24.063 cổ phần**, chiếm 0,07% trong đó
 - Sở hữu cá nhân: 24.063 cổ phần, chiếm 0,07%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi
-----	--------	------------------------	--------------------	-------	----------------------	-----------------------------

					công ty	ích công ty
1	Vũ Thị Hoa	Em	12.942	0,04%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Trưởng ban KS
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Vũ Minh Thuyết – Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 11 P.Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011132546 Ngày cấp: 08/7/2009 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Ban kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 đến năm 2009	Công ty Bột giặt và hóa chất Đức Giang	Công nhân
Từ năm 2009 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 85.038 cổ phần**, chiếm 0,25%; trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 85.038 cổ phần, chiếm 0,25%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Vợ	1.918	0,01%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Bí thư chi bộ công ty
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Nguyễn Tiến Khang – Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1957
- Nơi sinh: Lào Cai
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 9A Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011346506 Ngày cấp: 25/5/2005 Nơi cấp: Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng; Di động: 0983015419
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ – Tập đoàn Hóa chất
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/1984 đến T2/2012	Bộ Tài chính	Chuyên viên vụ Tài chính
Từ T2/2012 đến nay	Tổng công ty Hoá chất Việt Nam	Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ
	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 0 cổ phần**, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.4 Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Mai - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/03/1981
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên
- Chứng minh thư nhân dân số: 145272260 Ngày cấp: 21/4/2005 Nơi cấp Hưng Yên
- Điện thoại liên hệ: 04 8271620; Di động:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:
 - **Kế Toán trưởng Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang**
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 đến T5/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán viên
Từ T6/2007 đến T7/2007	Công ty cổ phần bột giặt và hóa chất Đức Giang	Kế toán viên
Từ T8/2007 đến nay	Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 34.764 cổ phần**, chiếm 0,1%; trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 34.764 cổ phần, chiếm 0,1%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Kế toán trưởng công ty
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13. Tài sản**Bảng 14: Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2013 (hợp nhất)***Đơn vị tính: VND*

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	320.197.559.010	189.045.888.437	131.151.670.573

1	Nhà cửa vật kiến trúc	69.855.307.449	37.803.369.754	32.051.937.695
2	Máy móc thiết bị	225.609.749.963	140.037.911.721	85.571.838.242
3	Phương tiện vận tải	24.074.560.056	10.828.184.476	13.246.375.580
4	Thiết bị quản lý	657.941.542	376.422.486	281.519.057
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	41.469.964.619	3.104.919.721	38.365.044.898
1	Quyền sử dụng đất	41.469.964.619	3.104.919.721	38.365.044.898
2	Phần mềm máy tính	-	-	-
III	Chi phí XDCBDD	5.539.293.631		113.282.057.483
	Tổng cộng	367.206.817.260	192.150.808.158	282.798.772.954

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán)

Chi phí xây dựng cơ bản năm 2013 thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 tăng cao là do công ty con đang tiến hành xây dựng thêm nhà máy sản xuất phân lân giàu và phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dự kiến dự án sẽ vận hành thương mại vào cuối năm 2014.

Bảng 15: Danh mục tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	75.960.997.977	57.831.938.118	18.129.059.859
1	Nhà cửa vật kiến trúc	15.212.865.330	11.537.622.549	3.675.242.781
2	Máy móc thiết bị	45.871.412.774	40.149.414.284	5.721.998.490
3	Phương tiện vận tải	14.754.278.331	6.052.627.493	8.701.650.838
4	Thiết bị quản lý	122.441.542	92.273.792	30.167.751
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	-	-	-
1	Phần mềm máy tính	-	-	-
	Tổng cộng	75.960.997.977	57.831.938.118	18.129.059.859

(Nguồn: BCTC riêng công ty mẹ năm 2013 đã kiểm toán)

Bảng 16: Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/3/2014 (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	320.218.350.887	200.353.151.938	119.865.198.949
1	Nhà cửa vật kiến trúc	69.855.307.449	40.007.818.018	29.847.489.431
2	Máy móc thiết bị	225.403.269.113	148.129.003.966	77.274.265.147
3	Phương tiện vận tải	24.074.560.056	11.797.048.454	12.277.511.602
4	Thiết bị quản lý	885.214.269	419.281.499	465.932.770

5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	41.756.539.074	3.307.488.868	38.449.050.206
1	Quyền sử dụng đất	41.756.539.074	3.307.488.868	38.449.050.206
2	Phần mềm máy tính	-	-	-
III	Chi phí XDCBDD	113.282.057.483		188.775.131.541
	Tổng cộng	475.256.947.444	203.660.640.806	347.089.380.696

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2014)

Bảng 17: Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/3/2014 (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	75.981.789.854	58.632.291.224	17.349.498.630
1	Nhà cửa vật kiến trúc	15.212.865.330	11.664.643.265	3.548.222.065
2	Máy móc thiết bị	45.664.931.924	40.253.980.865	5.410.951.059
3	Phương tiện vận tải	14.754.278.331	6.603.734.290	8.150.544.041
4	Thiết bị quản lý	349.714.269	109.932.805	239.781.464
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	-	-	-
	Tổng cộng	75.981.789.854	58.632.291.224	17.349.498.630

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2014)

Máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong TSCĐ hữu hình của Công ty và được đầu tư chủ yếu trong giai đoạn năm 1998 - 2010. Đến năm 2014, phần lớn TSCĐ sẽ hết khấu hao, chi phí khấu hao sẽ có sự thay đổi đáng kể góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Danh mục diện tích đất đai, nhà xưởng đang sử dụng (chỉ tính riêng công ty mẹ)

Đất trụ sở Công ty tại 18/44 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	4.7 ha theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 50 năm
Đất tại Nhà máy Bình Dương	4.000m² theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 20 năm (Hợp đồng số 07/HĐ-2000 ký ngày 18/9/1999)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**Bảng 18: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2018**

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch					
			Năm 2014	% tăng, giảm so với năm 2013	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	334,99	334,99	0	334,99	400	400	400

2	Doanh thu thuần (DTT)	1.926	2.429	26,1	2.500	2.500	2.700	2.700
3	Lợi nhuận sau thuế	297	138,94	-53,2	150	150	200	200
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DTT	0,15	0,06	-9,7	0,06	0,06	0,07	0,07
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,89	0,41	-47,2	0,45	0,38	0,50	0,50
6	Cổ tức	37,6%	25%	-12,6	25%	25%	25%	25%

(Nguồn: Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang)

Dự kiến, dự án đầu tư sản xuất phân lân giàu và thức ăn chăn nuôi sẽ vận hành thương mại vào cuối năm 2014. Tuy nhiên, đây là sản phẩm mới của công ty nên sẽ cần một khoản chi phí và thời gian nhất định để chiếm lĩnh thị trường. Vậy nên, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng phương án lợi nhuận dựa trên quan điểm thận trọng, có thể trong giai đoạn đầu chấp nhận lỗ từ các mặt hàng mới bởi vậy tuy doanh thu năm 2014 và các năm về sau tăng nhưng lợi nhuận của công ty giảm.

Chỉ tiêu về lợi nhuận được xây dựng theo phương pháp thống kê kinh nghiệm và dựa vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty, tỷ lệ chi phí hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp trên tổng doanh thu và cộng thêm phần cổ tức dự kiến thu được từ các khoản góp vốn đầu tư.

Kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2014: Tính đến ngày 31/3/2014, sản xuất của Công ty vẫn ổn định, doanh thu hợp nhất đạt 475,98 tỷ đồng, bằng 19,55% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 66,0 tỷ đồng, bằng 47% kế hoạch năm. Với những điều kiện ổn định như hiện tại, Ban lãnh đạo công ty tin tưởng việc hoàn thành kế hoạch năm 2014 là hoàn toàn khả thi

14.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014 - 2018:

“Bột giặt Đức Giang” là một thương hiệu lớn đã có thị trường tiêu thụ ổn định trong nhiều năm qua, vì vậy, Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên cơ sở giữ vững thị trường truyền thống và ổn định sản lượng sản xuất. Bên cạnh đó, các dây chuyền sản xuất hóa chất cơ bản cũng mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho Công ty, cụ thể:

+ Sản xuất phốt pho vàng: Hiện nay, hai dây chuyền sản xuất đều chạy hết công suất và công ty đã thiết lập được hệ thống khách hàng tiêu thụ ổn định. Ngoài ra, phốt pho vàng còn là một sản phẩm thiết yếu cho rất nhiều ngành công nghiệp nên với đội ngũ cán bộ, công nhân đã vận hành sản xuất lành nghề việc đảm bảo kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty là hoàn toàn khả thi.

+ Sản xuất các loại hóa chất cơ bản khác: Với lợi thế có nguồn cung cấp nguyên liệu phốt pho vàng trực tiếp từ công ty con, việc sản xuất các hóa chất cơ bản như LAS, axit photphoric và các hợp chất có nguồn gốc từ phốt pho đang là một thế mạnh của Công ty. Thị trường hóa chất cơ bản của Việt Nam là một thị trường rất lớn, sản xuất trong nước không đáp ứng được nhu cầu, chủ yếu phải nhập khẩu. Ngoài lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu, Công ty còn có ưu thế về nhà xưởng và đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất mặt hàng hóa chất vậy nên, trong những năm gần đây, các sản phẩm hóa chất cơ bản của công ty đang dần chiếm lĩnh thị trường và sẽ mang lại nguồn thu ổn định trong thời gian tới.

Ngoài ra, Công ty còn triển khai đồng bộ các giải pháp để ổn định như:

+ Ổn định và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, đội ngũ công nhân kỹ thuật, tăng cường trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật trong lao động, tạo ra bộ máy có tính chuyên nghiệp để phát triển thương hiệu, nâng cao vị thế, sức cạnh tranh và hiệu quả.

+ Phát huy thế mạnh truyền thống, mở rộng và phát triển thị trường theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, các hình thức hợp tác đầu tư và kinh doanh trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu đầu tư các sản phẩm mới.

+ Xây dựng và đưa vào thực hiện một cách nề nếp các quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Tăng cường kiểm tra kiểm soát nhằm lành mạnh và minh bạch hoá các hoạt động của Công ty để phát huy sức mạnh tập thể, nội lực và bảo đảm quyền lợi của cổ đông.

Mặt khác, nằm trong chiến lược dài hạn, Công ty còn triển khai mở rộng sản xuất sang lĩnh vực hóa chất nông nghiệp, phân bón. Trong thời gian qua, Công ty đã đầu tư rất lớn vào công ty con (Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai) và công ty liên kết (Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai) để sản xuất phân lân giàu (TSP), phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP) và axit trich lý (WPA). Đến nay, các dự án đầu tư đã hoàn thành xây dựng cơ bản và lắp đặt thiết bị đang trong giai đoạn vận hành thử và sẽ đóng góp một phần đáng kể trong kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

Do là những dự án lớn, đòi hỏi cán bộ công nhân vận hành phải có trình độ cao nên Công ty đã xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong điều kiện bất lợi nhất: Các mảng sản xuất hiện tại chỉ vận hành với 70% đến 80% công suất; Đến năm tài chính 2015 các dự án nêu trên (dự án sản xuất TSP, DCP, WPA) mới bắt đầu đóng góp vào lợi nhuận của Công ty.

Tóm tắt các dự án đã đầu tư:

Dự án đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất TSP và DCP *tại công ty con – Công ty cổ phần hóa chất Đức Giang Lào Cai:*

Với doanh số hàng năm hơn 1.800 tỷ đồng (chiếm ~80% doanh thu hợp nhất) và đóng góp hơn 80% tổng lợi nhuận cho công ty mẹ, Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai đang là động lực phát triển chính đối với Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ).

Nhằm tận dụng tối đa nguồn lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và thực hiện đầu tư chế biến sâu các loại khoáng sản, Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào thực hiện xây dựng nhà máy sản xuất TSP, DCP (nhằm tận dụng nguồn bột quặng apatit dư thừa trong quá trình sản xuất phốt pho).

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất TSP và DCP, trong đó ;
- Sản phẩm chính
 - Phân bón phốt phát kép (phân lân giàu P_2O_5) – TSP (Triple superphosphate);
 - Phụ gia cho thức ăn gia súc – DCP (Dicalcium phosphate).
- Tổng mức đầu tư 240 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn đối ứng của chủ đầu tư: 170 tỷ đồng, tương ứng 70,83% tổng mức đầu tư. Từ năm 2012 đã đầu tư một số hạng mục của dự án xây dựng nhà máy TSP và DCP.

- Vốn vay của ngân hàng thương mại và các nguồn khác: 70 tỷ đồng, tương ứng 29,17% tổng mức đầu tư.
- Đến nay đã hoàn thành việc xây dựng cơ và lắp đặt thiết bị đang thực hiện chạy thử.

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật như sau:

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHÍNH

TT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Sản lượng	Đơn giá (1.000 VND)	GIÁ TRỊ (1.000 VND)
I	Công suất dự án			
	TSP	50.000	8.300	415.000.000
	DCP	25.000	8.400	210.000.000
	Tổng doanh thu			625.000.000
II	Tổng mức đầu tư xây dựng công trình			240.000.000
1	Chi phí xây dựng			70.000.000
2	Chi phí thiết bị công nghệ			150.000.000
3	Vốn dự phòng			20.000.000
III	Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản			
1	Lợi nhuận thuần bình quân hàng năm sau thuế			93.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bình quân hàng năm			23.250.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận/vốn điều lệ			40 - 50 %
4	Thời gian thu hồi vốn	năm		3

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Hà Nội đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Hà Nội cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang dự kiến trong giai đoạn 2012 - 2016 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Hà Nội (MBKE) lưu ý rằng những nhận xét của MBKE chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. MBKE khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý MBKE bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết**Tổng số lượng niêm yết** 33.499.366 cổ phần**Tổng giá trị niêm yết** 334.993.660.0000 đồng**4. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Theo quy định đối với cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông là tổ chức có đại diện nắm giữ là thành viên HĐQT của tổ chức đăng ký niêm yết (Theo tiết đ, khoản 1, Điều 53, ND58/ 2012/ND-CP), trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK Hà Nội, sẽ có tổng cộng 11.938.625 cổ phần không được phép chuyển nhượng và trong vòng 06 tháng tiếp theo sẽ còn lại 5.969.313 cổ phần không được phép chuyển nhượng. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng chi tiết theo đối tượng được trình bày trong bảng sau:

Bảng 19. Tổng hợp số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGD, KTT và cổ đông lớn là người có liên quan đến cổ đông nội bộ

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng số lượng CK sở hữu	SL CK cam kết nắm giữ trong 6 tháng	SLCK cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT-TGD kiêm người được UQ CBTT	8.777.887	8.777.887	4.388.944
2	Đào Việt Hưng	TV HĐQT – PTGD	122.009	122.009	61.005
3	Lưu Bách Đạt	TV HĐQT	25.217	25.217	12.609
4	Vũ Nhất Tâm	TV HĐQT	0	0	0
5	Phan Thị Nhung	TV HĐQT	148.723	148.723	74.362
6	Vũ Văn Ngo	Trưởng BKS	24.063	24.063	12.032
7	Vũ Minh Thuyết	TV BKS	85.038	85.038	42.519
8	Nguyễn Tiến Khang	TV BKS	0	0	0
9	Đào Hữu Duy Anh	PTGD	85.164	85.164	42,582

10	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	34.764	34.764	17.382
11	Đào Hữu Kha	Cổ đông lớn có liên quan đến TV HĐQT	2.635.760	2.635.760	1.317.880
Tổng cộng			11.938.625	11.938.625	5.969.313

Nguồn: Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị: đồng	
	31/12/2012	31/12/2013
Vốn chủ sở hữu	455.690.721.706	625.385.078.338
Số cổ phần lưu hành (cổ phần)	21.999.936	33.499.103
Giá trị sổ sách (BV)	20.713,27	18.668,71

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán)

Đề xuất phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu CTCP Bột giặt và Hoá chất Đức Giang được tham khảo dựa trên phương pháp so sánh là phương pháp xác định giá trị của cổ phiếu dựa trên cơ sở giá cổ phiếu của các doanh nghiệp khác (doanh nghiệp so sánh) có mô hình kinh doanh, quy mô, mức độ tăng trưởng, v...v.. tương tự với doanh nghiệp thông qua một số chỉ số thích hợp. Hai hệ số được sử dụng để định giá cổ phiếu Công ty cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang là:

- Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E);
- Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần: Price/Book Value (P/B).

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và các chỉ tiêu về mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách (Book value) của các doanh nghiệp so sánh, các hệ số P/E và P/B trung bình được tính toán. Theo đó:

- Giá trị của cổ phiếu VTX = P/E trung bình x EPS (VTX)
- Hoặc: Giá trị của cổ phiếu VTX = P/B trung bình x Giá trị sổ sách (VTX)

Ngoài ra, công ty có thể sử dụng một số phương pháp phù hợp khác để định giá cổ phiếu

Trên cơ sở kết hợp một số các phương pháp xác định giá nêu trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của tổ chức niêm yết.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

Đối với công ty con – Công ty cổ phần Đức Giang Lào Cai:

- Với dây chuyền sản xuất phốt pho số 1: Theo hướng dẫn của Luật đầu tư áp dụng cho các dự án đầu tư tại tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng 15 năm và miễn thuế 100% thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm đầu kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế, giảm 50% cho chín năm tiếp theo.
- Với dây chuyền sản xuất phốt pho số 2: Dây chuyền này được coi là phần mở rộng của dự án "Nhà máy hóa chất Đức Giang - Lào Cai" cho nên không được hưởng các ưu đãi về thuế theo Luật Đầu tư trong nước (*).

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức kiểm toán****Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á**

Trụ sở : 15 Hàng Tre, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại : +(84-4) 3 7341665
 Fax : +(84-4) 3 7343024
 Email: vnaudit@fpt.vn

2. Tổ chức tư vấn niêm yết**Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng tại Hà Nội**

Trụ sở : Tầng 3, số 14-16, phố Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : +(84-4) 222 12208
 Fax : +(84-4) 222 12209
 Website : <http://www.maybank-kimeng.com.vn>

- IX. PHỤ LỤC
1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 2. **Phụ lục II** : Bản sao hợp lệ điều lệ Công ty
 3. **Phụ lục III** : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013 và BCTC quý I/2013 (hợp nhất và BCTC riêng)
 4. **Phụ lục V** : Nghị quyết của ĐHCĐ thông qua phương án niêm yết cổ phiếu

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ VĂN NGỌ

ĐÀO THỊ MAI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG CHI NHÁNH HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN VĂN MẠNH